

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2026/DS-ST

Ngày: 28-8-2026

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Bình.

Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Khánh Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hoàng T**, sinh năm: 1985; Số CCCD: 083085006737. Địa chỉ: **Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Văn D**, sinh năm: 1989; CCCD số: 083089010292; địa chỉ: **Ấp T (nay là ấp T), xã P, tỉnh Vĩnh Long**.

- Bị đơn:

Ông **Phạm Văn B**, sinh năm: 1964; số CCCD: 083064017475. Địa chỉ: **Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long**.

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1967; số CCCD: 083167006474. Địa chỉ: **Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long**.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Phan Văn D** vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông **Phạm Văn B**, bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn D trình bày:

- Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/12/2025 ông T có cho ông B, bà H vay số tiền là 60.000.000 đồng. Thời gian vay là 6 tháng. Lãi suất vay là 20%/năm. Khi cho vay 2 bên có lập hợp đồng bằng văn bản và có công chứng. Tuy nhiên, sau khi vay ông B, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ông T theo thỏa thuận.

- Đến nay, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà H trả lãi cho ông theo thỏa thuận, nhưng ông B, bà H tránh né, không thực hiện việc trả lãi và tiền gốc. Do ông B, bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi, đồng thời đến nay hợp đồng vay cũng đã hết hạn nên nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B, bà H trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/12/2025 đến khi trả hết nợ. Tiền lãi tạm tính từ ngày 04/12/2025 đến ngày khởi kiện là 04/7/2026 là: 60.000.000 đồng x 20%/ năm x 07 tháng = 7.000.000 đồng . Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 67.000.000 đ (sáu mươi bảy triệu đồng).

Hiện tại ông T đã kiện hết các khoản nợ mà ông B, bà H nợ ông T.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/8/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày như trước đây. Nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu về tiền lãi do hoàn cảnh của bị đơn cũng gặp khó khăn. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bị đơn, cụ thể rút số tiền lãi là 7.000.000 đồng. Do bận công việc nên ông D xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà trình bày như sau:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải, quyết định xét xử, giấy mời tham gia phiên tòa, các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà thống nhất bà và ông B có vay của ông Phạm Hoàng T số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất vay 20%/năm, bà cùng chồng là ông Phạm Văn B đồng ý liên đới trả nợ cho ông Phạm Hoàng T số tiền gốc 60.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà và ông B xin nguyên đơn không tính lãi suất. Bà và ông B đồng ý chịu lãi chậm thi hành án theo quy định. Do bà bận công việc nên xin Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Bị đơn là ông Phạm Hoàng T có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông trình bày như sau: Ông đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải, quyết định xét xử, giấy mời tham gia phiên tòa, các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Ông thống nhất ý kiến như trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị H, ông đồng ý liên đới cùng vợ ông là bà H liên đới trả nợ cho ông Phạm Hoàng T. Ông thuộc trường hợp người cao tuổi nên xin được miễn nộp án phí. Do ông bận công việc nên xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm: thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Riêng bị đơn không có mặt theo thông báo của Tòa án, không tuân thủ đúng các quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 92, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Hoàng T**: Buộc ông **Phạm Văn B**, bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **T** số tiền gốc là 60.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi số tiền 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, bị đơn có nơi cư trú tại **Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long** nên được Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (BLTTDS); Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Phan Văn D**, bị đơn là ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **D**, ông **B**, bà **H**.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T** về tiền gốc:

Căn cứ theo “Hợp đồng vay tài sản ngày 04/12/2025” giữa ông **Phạm Hoàng T** với ông **Phạm Văn B**, bà **Nguyễn Thị H** có nội dung thể hiện ông **B**, bà **H** có vay của ông **T** số tiền: 60.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu mươi triệu đồng), thời gian vay là 6 tháng. Lãi suất vay là 20%/năm. Khi cho vay hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản, ông **T**, ông **B**, bà **H** có ký tên, ghi họ tên, điểm chỉ vào hợp đồng và có công chứng theo quy định. Phía bị đơn là bà **Nguyễn Thị H** và ông **Phạm Văn B** xác định có vay tiền và còn nợ ông **T** số tiền gốc 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng), đồng ý cùng liên đới trả số tiền còn nợ cho ông **T**, xin giảm tiền lãi do hoàn

cánh gặp khó khăn. Đến nay đã hết thời hạn vay tiền mà ông bà chưa trả tiền gốc cho ông **T** là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, ông **T** yêu cầu ông **B**, bà **H** thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc còn nợ 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng) là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông **T**:

Nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi, cụ thể rút yêu cầu đối với số tiền lãi là 7.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu về tiền lãi là tự nguyện, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới, các vấn đề khác: nguyên đơn không yêu cầu trách nhiệm liên đới với ai khác nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 60.000.000 đồng là 3.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T** được chấp nhận nên bị đơn ông **B**, bà **H** phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này. Ông **B** thuộc trường hợp được miễn án phí nên được miễn án phí tương ứng phần của ông **B** là 1.500.000 đồng, bà **H** phải chịu án phí đối với số tiền 1.500.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 207, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 119, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Hoàng T** đối với bị đơn ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị H** về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

2. Buộc ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Phạm Hoàng T** số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông **Phạm Văn B**, bà **Nguyễn Thị H** liên đới trả tiền lãi, cụ thể số tiền lãi 7.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 60.000.000 đồng là 3.000.000 đ (ba triệu đồng).

Ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 3.000.000 đ (ba triệu đồng). Ông **B** thuộc trường hợp được miễn án phí đối với số tiền 1.500.000 đồng, bà **H** có nghĩa vụ chịu án phí số tiền 1.500.000 đồng.

Ông **Phạm Hoàng T** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông **Phạm Hoàng T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012136 ngày 19/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GDKT,TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Diễm